

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày 07 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Kim Hoàn và ông Đoàn Văn Ngàn

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phùng Văn D (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 12/4/1980, tại Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ I, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn H (đã chết) và bà Đinh Thị M (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Đ và có 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 42/HSST/2004 ngày 8/6/2004 Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt Phùng Văn D 4 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 54/HSST/2008 của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Phùng Văn D 03 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bản án số 06/HSST/2013 ngày 21/01/2013 Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Phùng Văn D 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2024, hiện tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực thành phố L - Trại tạm giam công an tỉnh L. Có mặt

2. Phạm Thúy N (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 25/6/1988 tại Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ I, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh Đ1 và bà Bùi Thị T; có chồng là Trần Văn T1 (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/9/2024, hiện tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố L - Trại tạm giam công an tỉnh L. Có mặt

3. Đỗ Văn Q (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/6/1970 tại L, Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T2 và bà Bùi Thị N1 (đã chết); có vợ là Đào Thị S và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: đã 02 (hai) lần bị xử phạt hành chính. Tại Quyết định số 06/QĐ ngày 29/1/2018 của Công an huyện V phạt số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn) về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; Quyết định số 11/QĐ ngày 23/4/2020 của Công an huyện B phạt số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn) về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác, chưa thi hành. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2024, hiện tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực thành phố L - Trại tạm giam công an tỉnh L. Có mặt

4. Đỗ Văn C (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 10/4/1996, tại Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn P và bà Phạm Thị B; có vợ là Lý Thị H1 và có 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2024, hiện tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực thành phố L - Trại tạm giam công an tỉnh L. Có mặt

5. Giang Minh C1; Tên gọi khác: Không, Sinh ngày 11/6/1966 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giang Lê T3, (Đã chết) và bà Trần Thị C2; có vợ: Trần Khánh L và chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: có 02 (Bản án số 79/HSST/2020 ngày 9/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bản án số 56/2022/HSST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Đang hoãn thi hành án theo Quyết định số 13 ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai; Nhân thân: Ngày 28/10/1985 bị Tòa án nhân dân thị xã Lào Cai xử phạt 03 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 10/HS ngày 18/11/1991 của Tòa án Thị xã Lào Cai xử phạt 02 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 83/HSST ngày 20/7/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 15 năm tù tội Cướp tài sản của Công dân; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 22/9/2024, Giang Minh C1 một mình đi xe ôm đến khu vực chợ K1, phường K, thành phố L, mục đích để mua ma túy về sử dụng. Tại đây, Giang Minh C1 gặp và mua của một người nam giới (không quen biết) đang đứng một mình ở ven đường A (một) gói nilon màu hồng bên trong chứa 52 (năm mươi hai) viên nén hình tròn, màu hồng có đặc điểm giống nhau, trên một mặt mỗi viên nén có dập chìm ký tự WY với giá 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn). Sau khi mua được ma túy, Giang Minh C1 cầm gói ma túy cất giấu trong túi áo ngực bên trái đang mặc trên

người rồi thuê xe ôm đi về nhà tại tổ A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai và cất giấu gói ma túy dưới gối trên giường trong phòng ngủ.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 25/9/2024, Phạm Thúy N đến nhà Giang Minh C1 chơi. Giang Minh C1 có mang gói ma túy vừa mua được để trên bàn và nói với Phạm Thúy N “nếu muốn sử dụng thì cứ lấy mà dùng”, nhưng Phạm Thúy N không sử dụng. Sau đó Giang Minh C1 đi ngủ.

Khoảng 20 giờ ngày 25/09/2024, Đỗ Văn C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam S1 gọi điện cho Đỗ Văn Q qua số điện thoại 0386.226.748 để nhờ Q mua hộ ma túy hồng phiến. Đỗ Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88F8-5807 đi đến B thành phố L gặp và đưa cho Đỗ Văn Q số tiền 2.110.000 đồng (hai triệu một trăm mười nghìn đồng), mục đích để Q mua hộ 21 (hai mươi một) viên ma túy hồng phiến, còn 10.000 đồng (mười nghìn) là tiền phí để Q chuyển khoản. Đỗ Văn Q đồng ý mua hộ ma túy và hỏi xin Đỗ Văn C 05 (năm) viên ma túy hồng phiến. Đỗ Văn C đồng ý. Sau đó Đỗ Văn Q gọi điện thoại cho Phùng Văn D qua số điện thoại 0976.715.102 hỏi mua 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn) tiền ma túy hồng phiến, Phùng Văn D đồng ý bán với giá 100.000 đồng/01 viên ma túy hồng phiến, bảo Đỗ Văn Q chuyển tiền qua số tài khoản 7380101208888 tên P1 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 chi nhánh L2 và hẹn gặp tại khu vực trước cửa bưu điện V1 thuộc phường P, thành phố L, để giao dịch mua bán ma túy. Đỗ Văn Q nhờ anh Nguyễn Văn L1 chuyển hộ số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn) vào số tài khoản ngân hàng của Phùng Văn D và trả cho anh L1 số tiền phí chuyển khoản là 10.000 đồng (mười nghìn). Sau khi chuyển tiền xong, Đỗ Văn Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24Y1-075.52 đứng chờ D ở ven đường trước cửa Bưu điện V1 thuộc phường P, thành phố L.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, Phùng Văn D gọi điện thoại cho Phạm Thúy N qua mạng xã hội Z hỏi mua 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn) tiền ma túy hồng phiến. Phạm Thúy N đồng ý và bảo Phùng Văn D chuyển tiền cho N qua số tài khoản 0979207968 tên P2 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 chi nhánh L2. Sau khi nhận được tiền, Phạm Thúy N lấy 01 (một) túi nilon màu hồng bên trong có 06 (sáu) gói nilon chứa 52 (năm mươi hai) viên ma túy hồng phiến, gồm có: 01 (một) gói nilon màu trắng chứa 20 (hai mươi) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên một mặt của mỗi viên nén được dập chìm chữ WY, 03 (ba) gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói chứa 10 (mười) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên một mặt của mỗi viên nén được dập chìm chữ WY, 02 (hai) gói nilon màu trắng, mỗi gói chứa 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên một mặt của viên nén được dập chìm chữ WY. Phạm Thúy N mang toàn bộ số ma túy trên để tại khu vực ngã ba giao nhau đường C, Nguyễn Đình T4 thuộc phường P, thành phố L rồi gọi điện thoại qua mạng xã hội Zalo cho Phùng Văn D đến địa điểm trên lấy ma túy.

Sau khi nhận điện thoại của Phạm Thúy N, Phùng Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59B1- 56.155 đi đến địa điểm trên thấy 01 (một) gói nilon màu hồng, biết bên trong là ma túy nên Phùng Văn D dùng tay trái nhặt gói ma túy rồi cất giấu trong túi áo đang mặc đi về nhà. Tại phòng ngủ, Phùng Văn D mở gói ma túy ra kiểm tra thấy bên trong có 01 (một) gói nilon màu trắng chứa 20 (hai mươi) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên một mặt của mỗi viên nén được dập chìm chữ WY, 03 (ba) gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói chứa 10 (mười) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên

một mặt của mỗi viên nén được dập chìm chữ WY, 02 (hai) gói nilon màu trắng, mỗi gói chứa 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên một mặt của viên nén được dập chìm chữ WY. Phùng Văn D lấy 01 gói nilon màu trắng chứa 20 (hai mươi) viên nén hình trụ tròn màu đỏ và 01 (một) gói nilon chứa 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu đỏ gói trong một tờ giấy bạc cầm trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59B1-56.155 đi đến khu vực trước cửa Bưu điện V1 trên đường H thuộc tổ G, phường P, thành phố L để giao ma túy cho Đỗ Văn Q. Biết bên trong là ma túy nên Đỗ Văn Q cất giấu gói ma túy vừa mua được vào trong túi áo bên trái đang mặc trên người rồi điều khiển xe đi đến điểm hẹn với Đỗ Văn C để giao ma túy. Khi đi đến khu vực đường T thuộc tổ B phường P, thành phố L thì bị tổ công tác đội Cảnh sát về kinh tế, ma túy Công an thành phố L kiểm tra. Tổ công tác mời ông Nguyễn Văn L1 là người chứng kiến. Trước sự có mặt của người chứng kiến, Đỗ Văn Q khai nhận đang cất giấu ma túy trên người và giao nộp cho tổ công tác 01 (một) gói giấy bạc, mở kiểm tra bên trong có 01 (một) gói nilon màu trắng chứa 20 (hai mươi) viên nén hình trụ tròn màu đỏ và 01 (một) gói nilon chứa 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu đỏ. Đỗ Văn Q khai nhận toàn bộ các viên nén có đặc điểm như trên trong gói giấy bạc đều là ma túy hồng phiến là của Đỗ Văn Q, mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác dẫn giải Đỗ Văn Q cùng toàn bộ vật chứng, phương tiện về trụ sở Công an phường P, thành phố L để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định.

Sau khi bị bắt, Đỗ Văn Q khai nhận nguồn gốc số ma túy trên là do Đỗ Văn Q mua của Phùng Văn D với giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng). Đỗ Văn Q mua hộ số ma túy này cho Đỗ Văn C.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Phùng Văn D khai nhận: Khoảng 21 giờ, Phùng Văn D mua của Phạm Thúy N 52 (năm mươi hai) viên ma túy hồng phiến với giá 2.500.000 đồng. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, Phùng Văn D đã bán 21 (hai mươi một) viên ma túy hồng phiến với giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn) cho Đỗ Văn Q. Phùng Văn D còn khai nhận trong nhà của Phùng Văn D tại đường B tổ I, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai có cất giấu ma túy hồng phiến. Phùng Văn D giao nộp cho tổ công tác 01 (một) bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng. Mở kiểm tra bên trong có 03 (ba) gói nilon màu trắng, bên trong chứa tổng cộng 31 (ba mươi một) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên một mặt của mỗi viên nén được dập chìm chữ WY và 01 (một) túi nilon có mép miết, bên trong túi nilon chứa các cục tinh thể rắn màu trắng. Toàn bộ số ma túy trên là của D, mục đích cất giấu để bán kiếm lời. Tổ công tác tiến hành lập biên bản và niêm phong vật chứng theo quy định.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Thúy N tại tổ A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai là nhà của Giang Minh C1. Quá trình khám xét thu giữ tại phòng ngủ của Giang Minh C1 01 (một) chai nhựa có nắp vặn, trên nắp vặn được đục thủng 02 lỗ gắn 02 ống hút nhựa và 01 (một) cuộn giấy bạc. Phạm Thúy N khai nhận: 01 (một) chai nhựa có nắp vặn, trên nắp vặn được đục thủng 02 lỗ gắn 02 ống hút nhựa và 01 (một) cuộn giấy bạc là của Giang Minh C1. Ngoài ra còn tạm giữ của Phạm Thúy N 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 13 Pro, màu xanh, số IMEI: 356310702184535 (đã qua sử dụng).

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, Đỗ Văn Công K nhận có nhờ Đỗ Văn Q mua hộ 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) ma túy hồng

phiến, mục đích để sử dụng cho bản thân. Giang Minh C1 khai nhận: Tổng số 52 (năm mươi hai) viên ma túy hồng phiến là của C1, mục đích mua về để sử dụng.

Ngày 26/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L ra Quyết định trưng cầu giám định số 1633 đối với vật chứng đã thu giữ của Đỗ Văn Q ngày 25/9/2024. Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu, tái niêm phong và giao nhận đối tượng giám định, xác định:

- Mẫu M1: 01 (một) gói được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng, bên trong gói chứa các viên nén hình trụ tròn màu đỏ có đặc điểm giống nhau, trên một mặt mỗi viên có dập chìm ký tự WY. Tổng khối lượng các viên nén hình trụ tròn, màu đỏ có đặc điểm giống nhau trong gói này là 1,978 (một phẩy chín trăm bảy mươi tám) gam;

- Mẫu M2: 01 (một) gói được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng, bên trong gói chứa 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu đỏ, trên một mặt của viên nén có dập chìm ký tự WY. Khối lượng của viên nén này là 0,102 (không phẩy một trăm không hai) gam.

Tại kết luận giám định số 384/GĐMT, ngày 30/9/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh L kết luận:

- Mẫu M1: 1,978 (một phẩy chín trăm bảy mươi tám) gam các viên nén hình trụ tròn, màu đỏ có đặc điểm giống nhau, trên một mặt mỗi viên có dập chìm ký tự WY gửi giám định là loại chất ma túy Methamphetamine.

- Mẫu M2: 0,102 (không phẩy một trăm không hai) gam viên nén hình trụ tròn, màu đỏ có đặc điểm giống nhau, trên một mặt mỗi viên có dập chìm ký tự WY gửi giám định là loại chất ma túy Methamphetamine).

Ngày 26/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L ra Quyết định trưng cầu giám định số 1635 đối với vật chứng đã thu giữ của Phùng Văn D ngày 25/9/2024. Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu, tái niêm phong và giao nhận đối tượng giám định, xác định:

- Mẫu M1: 01 (một) túi nilon có mép miết, bên trong túi nilon chứa các cục tinh thể rắn màu trắng. Tổng khối lượng các cục tinh thể rắn màu trắng trong gói này là 4,845 (bốn phẩy tám trăm bốn mươi lăm) gam.

- Mẫu M2: 03 (ba) túi nilon màu trắng được hàn kín các mép, bên trong mỗi túi đều chứa các viên nén hình trụ tròn màu đỏ có đặc điểm giống nhau, trên một mặt của mỗi viên nén có dập chìm ký tự WY. Tổng khối lượng các viên nén hình trụ tròn, màu đỏ có đặc điểm giống nhau trong gói này là 3,077 (ba phẩy không trăm bảy mươi bảy) gam.

Tại kết luận giám định số 385/GĐMT, ngày 01/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh L kết luận:

- Mẫu M1: 4,845 (bốn phẩy tám trăm bốn mươi lăm) gam các cục tinh thể rắn màu trắng gửi giám định là loại chất ma túy Methamphetamine.

- Mẫu M2: 3,077 (ba phẩy không trăm bảy mươi bảy) gam viên nén hình trụ tròn, màu đỏ có đặc điểm giống nhau, trên một mặt mỗi viên có dập chìm ký tự WY gửi giám định là loại chất ma túy Methamphetamine

Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 10/01/2025 của VKSND thành phố Lào Cai truy tố các bị cáo Phùng Văn D, Phạm Thúy N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Đỗ Văn Q, Đỗ Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Giang Minh C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại g, o khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai trình bày lời luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Phùng Văn D, Phạm Thúy N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Đỗ Văn Q, Đỗ Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Giang Minh C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại g, o khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự; và Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Văn D với mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm i Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo Phạm Thúy N với mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38, điều 17, điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn C với mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38, điều 17, điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đỗ Văn Q mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm g,o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Giang Minh C1 mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; Áp dụng Điều 56 bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với các bản án trước đó của bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước, xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội của tang, kết luận giám định và

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/9/2024, Giang Minh C1 đã có hành vi mua 52 (năm mươi hai) viên ma túy có tổng khối lượng là 5,157 (năm phẩy một trăm năm mươi bảy) gam chất ma túy Methamphetamine với giá 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), mục đích để sử dụng, sau đó C1 đã để lên bàn cho Phạm Thúy N dùng, hành vi của Giang Minh C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Tại bản án số 56/2022/HSST ngày 28/6/2022, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai đã áp dụng tình tiết “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Giang Minh C1 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g, o khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự.

Khi Phùng Văn D gọi điện hỏi mua, Phạm Thúy N đã bán 52 viên ma túy của Giang Minh C1 cho Phùng Văn D với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Vì vậy Phạm Thúy N phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép 5,157 (năm phẩy một trăm năm mươi bảy) gam chất ma túy Methamphetamine theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với Phùng Văn D: Sau khi mua được ma túy của Phạm Thúy N, Phùng Văn D đã bán 2,080 (hai phẩy không trăm tám mươi) gam chất ma túy Methamphetamine với giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn) cho Đỗ Văn Q, thì bị bắt cùng toàn bộ vật chứng. Ngoài số ma túy mua của Phạm Thúy N, Phùng Văn D còn tàng trữ 4,845 (bốn phẩy tám trăm bốn mươi lăm) gam chất ma túy Methamphetamine, mục đích để bán kiếm lời. Tổng số ma túy thu giữ được tại nhà của Phùng Văn D có khối lượng 7,922 gam ma túy Methamin. Như vậy Phùng Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép trái phép chất ma túy Methamphetamine có khối lượng 10,002g, tương ứng với điểm i khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với Đỗ Văn C và Đỗ Văn Q, trong vụ án này, C là người gọi điện nhờ Q và đưa tiền cho Q đi mua ma túy, do đó các bị cáo là đồng phạm và cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tàng trữ trái phép 2,080 gam (hai phẩy không trăm tám mươi) gam chất ma túy Methamphetamine theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự. Đây là trường hợp đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, trong đó Đỗ Văn C là người khởi sự (nhờ Đỗ Văn Q mua hộ 2,080 (hai phẩy không trăm tám mươi) gam chất ma túy Methamphetamine với giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn), mục đích để về sử dụng. Vì vậy Công giữ vai trò chính. Còn Đỗ Văn Q giữ vai trò là người thực hành tích cực (đi mua ma túy) và được hưởng lợi là 05 viên ma túy.

Vì vậy, bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 10/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã truy tố Phùng Văn D, Phạm Thúy N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i Khoản 2 Điều 251; truy tố Đỗ Văn C, Đỗ Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249; Truy tố Giang Minh C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ Nhà nước nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức, đồng thời thấy rõ tác hại của ma túy đối với cộng đồng và xã hội nhưng vì mục đích vụ lợi, đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để sử dụng và bán kiếm lời.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xét xử các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải vì vậy cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đỗ Văn C có ông nội là Đỗ Văn Đ2 được tặng Huân chương chiến thắng hạng Ba; bị cáo Giang Minh C1 có bố đẻ là ông Giang Lê T3 được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo Phùng Văn D có ông ngoại là Đinh Quang V được tặng thưởng Huy chương chiến thắng Hạng Nhất, bà ngoại là Nguyễn Thị X được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về nhân thân: Các bị cáo Đỗ Văn C, Phạm Thúy N không có tiền án, tiền sự

Bị cáo Đỗ Văn Q, Phùng Văn D, Giang Minh C1 có nhân thân xấu. Bị cáo Đỗ Văn Q đã 02 (hai) lần bị xử phạt hành chính. Bị cáo chưa thi hành xong quyết định số 11/QĐ ngày 23/4/2020 của Công an huyện B. Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định vẫn cư trú tại địa phương nhưng không có cơ quan nào yêu cầu thi hành quyết định xử phạt hành chính, bị cáo không cố tình trốn tránh; Đến thời điểm phạm tội đã hết thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó trường hợp này không phải là tiền sự mà chỉ đánh giá vào nhân thân của bị cáo.

Bị cáo Phùng Văn D đã 03 (ba) lần bị Tòa án xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội.

Bị cáo Giang Minh C1 đã 05 (năm) lần bị Tòa án xét xử, trong đó Bản án số 79/HSST/2020 ngày 9/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Giang Minh C1 02 năm 06 tháng tù tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bản án số 56/2022/HSST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Giang Minh C1 01 năm 06 tháng tù tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 10/8/2022 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai ra Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù số 13/2022/THAHS-QĐ đối với Giang Minh C1. Trong thời gian được hoãn thi hành án, bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với khối lượng ma túy còn lại trích mẫu giám định gồm:

-1,736 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì thư do Phòng K2 Công an tỉnh L phát hành, trên một mặt của bì thư có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Đỗ Văn Q tại tổ B, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai ngày 25/9/2-24”

-7,389 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì thư do Phòng K2 Công an tỉnh L phát hành, trên một mặt bì thư có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ trong quá trình làm việc với Phùng Văn D tại tổ I, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai ngày 25/9/2024”

Xét thấy đây là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, biển kiểm soát: 24Y1-075.52, số khung: RLHJC6248DY061127, số máy: JC52E-6094025 (đã qua sử dụng) thu giữ của Đỗ Văn Q, quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đỗ Văn Q khai nhận đã sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy hộ Đỗ Văn C, do đó xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím thu giữ của Phùng Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO thu giữ của Đỗ Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 Pro màu xanh thu giữ của Phạm Thúy N, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận sử dụng điện thoại để liên lạc trao đổi về việc mua bán ma túy, do đó xác định đây đều là phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chai nhựa có nắp vặn, 01 cuộn giấy bạc đã qua sử dụng là vật không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Ngoài ra còn một số đồ vật tài sản khác, quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, đã ra quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 59B1-56155, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Phùng Văn H (chết năm 2019) là bố đẻ của Phùng Văn D. Sau khi ông H chết Phùng Văn D sử dụng chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Ngày 25/9/2024 chị Nguyễn Thị Đ đã bán chiếc xe trên cho một người thu mua sắt vụn không rõ lai lịch để lấy tiền chi tiêu cá nhân, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn) Phạm Thúy N đã bán ma túy cho Phùng Văn D. Xét thấy đây là tiền có được do phạm tội mà có nên cần truy thu để tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 2.100.000 đồng Đỗ Văn C đã đưa cho Đỗ Văn Q, Đỗ Văn Q chuyển cho Phùng Văn D để mua ma túy, sau khi nhận tiền của Q, D đã chuyển số tiền 2.500.000 đồng cho Phạm Thúy N để mua ma túy, Hội đồng xét xử đã truy thu để tịch thu của Phạm Thúy N nên không tịch thu đối với Phùng Văn D.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với người lái xe ô tô Giang Minh C1 đã thuê ngày 22/9/2024, quá trình điều tra xác định: Bị cáo không biết tên, tuổi, căn cước của người này, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh, làm rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người nam giới bán ma túy cho Giang Minh C1 ngày 25/9/2024, quá trình điều tra xác định: Giang Minh C1 không biết tên, tuổi căn cước của người nam giới. Ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu gì khác để chứng minh làm rõ, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục điều tra xác minh, khi làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị B1 là mẹ của Đỗ Văn C. Quá trình điều tra xác định: Ngày 25/9/2024 Nguyễn Thị B1 cho Đỗ Văn C mượn điện thoại để sử dụng, bà B1 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Đỗ Văn C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn L1 là người đã chuyển số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn) mua ma túy vào tài khoản ngân hàng cho bị cáo Phùng Văn D hộ Đỗ Văn Q. Quá trình điều tra xác định: Anh Nguyễn Văn L1 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Đỗ Văn Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người nam giới tên Q1 nhà ở Hải Phòng đã cho Phùng Văn D gói nylon chứa các hạt tinh thể rắn có khối lượng 4,845 gam. Quá trình điều tra xác định: Phùng Văn D không biết tên, tuổi, căn cước của người nam giới trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không thu giữ được dữ liệu điện tử, không có người chứng kiến. Ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh, làm rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn D, Phạm Thúy N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm i Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn D 08 (T5) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

Căn cứ vào điểm i Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thúy N 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

1.2. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn C, Đỗ Văn Q, Giang Minh C1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn C 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 17, điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ

Căn cứ điểm g, o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giang Minh C1 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số 79/HSST/2020 ngày 9/9/2020 và Bản án số 56/2022/HSST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, buộc bị cáo Giang Minh C1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian chấp hành án từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/7/2021).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy:

-1,736 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì thư do Phòng K2 Công an tỉnh L phát hành, trên một mặt của bì thư có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Đỗ Văn Q tại tổ B, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai ngày 25/9/2-24”

-7,389 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì thư do Phòng K2 Công an tỉnh L phát hành, trên một mặt bì thư có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ trong quá trình làm việc với Phùng Văn D tại tổ I, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai ngày 25/9/2024”

-01 chai nhựa có nắp vặn, trên nắp vặn được đục thủng 02 lỗ gắn 02 ống hút nhựa;

-01 cuộn giấy bạc đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

-01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, biển kiểm soát: 24Y1-075.52, số khung: RLHJC6248DY061127, số máy: JC52E-6094025 (xe cũ đã qua sử dụng), thân vỏ xe bị nứt thu giữ của Đỗ Văn Q.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, số IMEI: 863511047552833, kèm thẻ sim có dòng số 8984048000934177776, thu giữ của Phùng Văn D;

-01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO, số IMEI: 861440058883485, kèm sim có số thuê bao 0386226748 thu giữ của Đỗ Văn Q;

-01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 Pro màu xanh, số IMEI: 356310702184535 thu giữ của Phạm Thúy N,

Truy thu của Phạm Thúy N số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phùng Văn D, Phạm Thúy N, Đỗ Văn C, Đỗ Văn Q, Giang Minh C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+TP;
- Các bị cáo;
- Công an TP Lào Cai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án phạt tù;
- Chi cục THADS TP;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ + TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên